

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 53/2020/DS-ST

Ngày: 13/8/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thìn

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2020/TLST-DS ngày 25/02/2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 687/2020/QĐST-DS ngày 16/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn Ngân hàng V.

Địa chỉ: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: ông V1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: đường N, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà V2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông V1 có đơn xin vắng mặt, bà V2 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện nguyên đơn ông V1 trình bày:
Ngày 08/09/2014 bà V2 có ký hợp đồng tín dụng số 20140917-500002-0107 với Ngân hàng V vay số tiền 31,500,000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.75 %/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà V2 có trách nhiệm thanh toán số tiền 59,047,000 đồng, gồm cả gốc 31,500,000 đồng và lãi là 27,547,000 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1,609,000 đồng; tháng cuối cùng trả 2,732,000 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 01/11/2014.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng được 16 lần với tổng số tiền đã trả là 23,138,000 đồng, trong đó gốc là 7,183,172 đồng và lãi là 15,954,828 đồng. Kể từ ngày 02/08/2016 bà V2 không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù Ngân hàng đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Nay Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà V2 thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau: Trả toàn bộ khoản nợ gốc: 24,316,828 đồng; trả toàn bộ khoản nợ lãi 11,592,172 đồng.

Tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu bà V2 phải thanh toán là: 35,909,000 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm lẻ chín ngàn đồng chẵn) khi bản án quyết định của Tòa có hiệu lực.

Bị đơn bà V2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà V2 không đến Tòa làm việc nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng qui định pháp luật; Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đất văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu bà V2 phải thanh toán là: 35,909,000 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm lẻ chín ngàn đồng chẵn) khi bản án quyết định của Tòa có hiệu lực. Bà V2 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bà V2 nhưng bà không đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không đến Tòa án tham gia xét xử, ông V1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với ông V1 và bà V2.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà V2 hiện cư trú tại địa bàn thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án không làm việc được với bà V2 nhưng căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 20140917-500002-0107 ngày 08/9/2014, bản sao kê cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy đã có đủ cơ sở xác định bà V2 được Ngân thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 70.000.000 đồng. Bà V2 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 31.500.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.75 %/tháng là có thật. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà V2 có trách nhiệm thanh toán số tiền 59.047.000 đồng, gồm cả gốc 31.500.000 đồng và lãi là 27.547.000 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.609.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.732.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng, bà V2 đã thanh toán cho Ngân hàng được 16 lần với tổng số tiền đã trả là 23.138.000 đồng, trong đó gốc là 7.183.172 đồng và lãi là 15.954.828 đồng. Kể từ ngày 02/08/2016 bà V2 không thanh toán thêm bất cứ khoản nào.

Nay Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà V2 thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau: Trả toàn bộ khoản nợ gốc 24.316.828 đồng và tiền lãi 11.592.172 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã niêm yết chứng cứ khởi kiện và các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bà V2 vẫn không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt, do vậy nên xem như bà V2 đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ.

Từ sự nhận định trên, căn cứ theo qui định tại Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc bà V2 phải trả lại số tiền 35.909.000 đồng (Ba mươi lăm triệu chín trăm lẻ chín ngàn đồng), trong đó nợ gốc 24.316.828 đồng và tiền lãi 11.592.172 đồng cho Ngân hàng V.

[4] Về án phí DSST: Bà V2 phải chịu 1.795.450 đồng (một triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi đồng) án phí sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng V số tiền 898.000 đồng (tám trăm chín mươi tám nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008439 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 39, 203, 207, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng V.

Buộc bà V2 phải trả cho Ngân hàng V số tiền gốc còn nợ là 35.909.000 đồng (Ba mươi lăm triệu chín trăm lẻ chín ngàn đồng), trong đó nợ gốc 24.316.828 đồng và tiền lãi 11.592.172 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 08/09/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Án phí DSST: Bà V2 phải chịu 1.795.450 đồng (một triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi đồng) án phí sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng V số tiền 898.000 đồng (tám trăm chín mươi tám nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008439 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân Thành phố B;
- Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

Nguyễn Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

